

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày 05-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Ông: Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: Nguyễn Thị Hằng.

- Bà: Dương Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 15/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: Nông Văn S; Sinh năm 1993; Nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn P, sinh năm 1965 và con bà: Dương Thị B, sinh năm 1964; Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ con: Không; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ ngày 22/5/2020; Tạm giam ngày 28/5/2020. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị hại: Anh La Văn T; Sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Anh: Bé Văn H; Sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11/4/2020 Nông Văn S, đi nhờ xe máy một người đàn ông (không rõ họ tên địa chỉ) từ Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang sang nhà La Văn T ở Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (giữa S và Thu có mối quan hệ quen biết nhiều năm) để chơi. Khi đến nhà thấy Thu ở nhà một mình

ngồi chơi uống nước, T đòi số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà S vay mấy hôm trước, do không có tiền trả và Nông Văn S nói về nhà lấy con chó con đang nuôi, mang sang để gán nợ và được T đồng ý, S không có xe về nhà, nên đã hỏi mượn xe máy anh T và hứa về lấy chó con sang và sẽ trả xe máy ngay được T đồng ý, xong anh T lấy chìa khóa, xe máy BKS: 22N1-0243, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER đưa cho S. Nông Văn S điều khiển xe máy đi về nhà tại Thôn B, xã T, huyện N trên đường đi do không có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh T, S điều khiển xe máy đến nhà Bé Văn H ở Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang cầm cố chiếc xe máy (do Số đã từng cầm điện thoại nên Số biết anh H cầm cố tài sản), khi đến nhà anh H, Nông Văn S cầm cố chiếc xe máy 4.000.000đ, H hỏi “xe máy trên của ai, giấy tờ đâu” S trả lời “chiếc xe là của S do đi chơi nên quên để giấy tờ ở nhà, mấy hôm nữa mang sang đưa cho H”, thấy vậy H đồng ý đưa cho Số 3.600.000đ và nói đã trừ tiền lãi 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Sau khi có tiền S thuê xe ôm đến thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ (do mua nhiều lần nên S không nhớ số tiền cụ thể) để sử dụng với hình thức tiêm chích, số tiền còn lại chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 03 ngày sau hết tiền tiêu, S thuê xe ôm về nhà H vay thêm 2.000.000đ, H đồng ý đưa cho Nông Văn S 1.800.000đ và trừ tiền lãi 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Khi có tiền S tiếp tục thuê xe ôm sang thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Bị hại La Văn T sau khi cho S mượn xe máy đợi lâu không thấy S mang chó sang để gán nợ và trả xe máy, đã điện thoại cho S không liên lạc được, đồng thời đi tìm kiếm nhiều nơi không thấy, đến ngày 14/4/2020 trình báo Công an xã Đ, huyện B giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2020 anh Bé Văn H giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Jupiter - YAMAHA, màu sơn đen-bạc, BKS 22N1-0243 cho UBND xã Thượng Nông, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 20/4/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra văn bản yêu cầu định giá tài sản số 68 gửi Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện B định giá 01 xe máy nhãn hiệu Jupiter-YAMAHA, màu sơn đen-bạc, BKS: 22N1-0243, xe cũ đã qua sử dụng. Ngày 23/4/2020 Hội đồng định giá tài sản kết luận xe máy trị giá 4.725.000đ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 22/5/2020 Nông Văn S đến Công an huyện Bắc Mê đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 28/5/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; Lệnh tạm giam đối với Nông Văn S về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter -YAMAHA, màu sơn đen-bạc, BKS: 22N1-0243, xe cũ đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 001384, mang tên Nguyễn Văn L, sinh năm

1975, địa chỉ thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, biên kiểm soát 22N1-0243.

Ngày 20/6/2020 bị hại La Văn T có đơn xin lấy lại tài sản xe máy để phục vụ sinh hoạt gia đình, xét thấy không cần thiết tiếp tục tạm giữ; Ngày 22/6/2020 cơ quan Điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho La Văn T xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự

- Anh Bé Văn H yêu cầu Nông Văn S trả lại số tiền 5.400.000đ mà anh H đã giao cho S khi cầm cố tài sản là xe máy của anh La Văn T.

- Anh La Văn T, nhận được tài sản 01 xe máy và giấy tờ xe, qua kiểm tra tình trạng xe không thay đổi hoặc hỏng hóc gì nên không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa lời khai của bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt khai, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng và trả lại tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 17/CT-VKSMB ngày 14/7/2020 của VKSND huyện B truy tố Nông Văn S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Nông Văn S phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Hình phạt: Áp dụng b khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; Điều i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nông Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/5/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 579, 580, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nông Văn S có trách nhiệm trả số tiền cho anh Bé Văn H 5.400.000đ mà anh Hậu đã bỏ ra cầm cố chiếc xe của bị cáo.

- Về vật chứng: Không.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn S chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000đồng.

Tranh luận tại phiên tòa

Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, nên không có tranh luận gì thêm.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai bị hại, người có nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tang vật vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 11/4/2020 Nông Văn S có hành vi lợi dụng mối quan hệ và lòng tin của anh La Văn T để mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter-YAMAHA, màu sơn đen-bạc, BKS 22N1-0243 đã qua sử dụng trị giá 4.725.000đ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) của anh T mang đi cầm cố cho Bế Văn H được số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này S đã ăn tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng hết, đến nay không có khả năng khắc phục hậu quả. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về vật chất cho người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin tưởng của bị hại quen biết 06 năm, nên bị hại đã cho bị cáo mượn xe máy về nhà bắt chó con để gán nợ số tiền bị cáo nợ trước đó, nhưng khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo nảy sinh ý định đi cầm cố để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết, bản thân là người nghiện ma túy. Bị cáo là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Để đấu tranh phòng ngừa tội phạm lập lại trật tự an toàn xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ thời gian để giáo dục cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án, không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an huyện B đầu

thú về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, còn phải phạt bổ sung công quỹ Nhà nước mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này có đối tượng liên quan:

[7.1] Bị cáo Nông Văn S ngoài hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị truy tố ra, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy xét thấy hành vi của S không có căn cứ để xử lý hình sự Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Đối với Bé Văn H khi giao dịch cầm cố xe máy, không biết xe máy đó là do bị cáo S phạm tội mà có, không đủ cơ sở để xử lý đối với Bé Văn H. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.3] Đối với người đàn ông (không rõ họ tên địa chỉ) bán ma túy cho Nông Văn S tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ của người đàn ông đó nên không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, mức bồi thường và tiền án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[9] Trách nhiệm dân sự:

[9.1] Bị hại anh T sau khi nhận lại tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter - YAMAHA, màu sơn đen bạc, BKS 22N1-0243, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

[9.2] Đối với anh Bé Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khi cầm cố xe máy của bị cáo Nông Văn S là ngay tình, không biết xe do trộm cắp mà có, xét anh H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.400.000đ là phù hợp, nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản xe máy, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy và xác định

chủ sở hữu hợp pháp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho La Văn T đúng quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn S phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn S **10** (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nông Văn S để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 579, 580, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn S trả lại cho anh Bé Văn H; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Không.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn S chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000đ. Tổng cộng **500.000đ** (Năm trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công